

Bản án số: 06/2023/HS-ST  
Ngày 16-02-2023

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TRẢNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Minh Thư.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Tạ Kỳ Trung;

Ông Cao Hoài Hiêm.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Trần Thế Sự - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:** Ông Võ Trường Thọ – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 91/2022/TLST-HS ngày 30 tháng 12 năm 2022; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2023/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 01 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 01/2023/HSST-QĐ ngày 17 tháng 01 năm 2023 đối với các bị cáo:

1/ **Hoa Phúc Đ**, sinh năm 1992, tại tỉnh Tây Ninh; nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và nơi cư trú hiện nay: khu phố H, thị trấn D, huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: nhân viên; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoa Văn H và bà Nguyễn Lập Thu; vợ là Lâm Ngọc L (không đăng ký kết hôn); con: chưa có; tiền án, tiền sự: không; bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

2/ **Lê Quốc Đ**, sinh năm 1991, tại tỉnh Tây Ninh; nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và nơi cư trú hiện nay: ấp TP, xã TĐ, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: nhân viên; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Phước S và bà Phan Thị H; vợ, con: chưa có; tiền án, tiền sự: không; bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

3/ **Nguyễn Th**, sinh năm 1987, tại tỉnh Đồng Nai; nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và nơi cư trú hiện nay: phường TH, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: nhân viên; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo:

Thiên Chúa; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn U (đã chết) và bà Nguyễn Thị R; vợ là Nguyễn Thị TT; con: có 02 người, lớn sinh năm 2012, nhỏ sinh năm 2021; tiền án, tiền sự: không; bị bắt tạm giam từ ngày 11-10-2022 đến ngày 18-11-2022 được thay thế biện pháp ngăn chặn bảo lãnh; bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

4/ **Trần Thanh T**, sinh năm 1995, tại tỉnh Đồng Nai; nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và nơi cư trú hiện nay: ấp P, xã Đ, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: không có; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: Cao Đài; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần TM và bà Võ TK; vợ là Đoàn Thị O; con: có 02 người, lớn sinh năm 2017, nhỏ sinh năm 2022; tiền án, tiền sự: không; bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

**- Người bào chữa cho bị cáo Hoa Phúc Đ:**

1/ Ông Phạm Văn I - Luật sư Công ty Luật TNHH MTV BL, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Tây Ninh; có mặt.

2/ Bà Nguyễn Thị MQ - Luật sư Công ty Luật TNHH MTV BL, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

- **Bị hại:** anh Nguyễn Minh A, sinh năm 1984; cư trú tại: phường Q, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh; có mặt.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** chị Lâm Ngọc L, sinh năm 1992; cư trú tại: ấp TH, xã TB, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hoa Phúc Đ, Lê Quốc D, Trần Thanh T, Nguyễn Th là nhân viên an ninh của Công ty Cổ phần thương mại BHX. Khoảng 07 giờ ngày 21-5-2021, trong khi ngồi uống nước cùng với T và Th tại quán cà phê “Nhà gỗ” thuộc khu phố GH, phường Tr, tỉnh Tây Ninh thì Đ nhận được điện thoại của Thái HA là nhân viên cửa hàng BHX thuộc khu phố GH, phường Tr, tỉnh Tây Ninh về việc bắt quả tang đối tượng Nguyễn Minh A có hành vi trộm cắp 02 chai dầu gội đầu nhãn hiệu Clear Men, loại 165ml. Lúc này, Đ gọi điện thoại kêu D đến giải quyết thì D đồng ý. Khi đến nơi, D đưa A vào bên trong khu vực chứa hàng để làm việc về hành vi trộm cắp của A, D dùng tay, chân đánh, đá vào vai và cẳng chân của A. Sau đó, Đ, T và Th đến, do nghi ngờ A đã trộm cắp 30 chai dầu gội đầu tại các cửa hàng BHX khác mà A không thừa nhận nên Đ dùng tay đánh vào vùng mặt của A nhiều cái, T dùng tay, chân đánh nhiều cái vào vùng mặt và chân của A, Th dùng gậy ba khúc bằng kim loại đánh vào vai và đầu của A nhằm mục đích làm cho A thừa nhận đã

thực hiện các vụ trộm ở những cửa hàng BHX khác. Lúc này, Đ yêu cầu A đưa giấy tờ để kiểm tra thì phát hiện trong ví của A có số tiền 2.750.000 đồng. Cả nhóm yêu cầu A đưa số tiền từ 7.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng nếu không sẽ trình báo Công an vì biết A vừa ra tù về tội trộm cắp tài sản. Do lo sợ sẽ bị Công an xử lý về hành vi trộm cắp tài sản và tiếp tục bị đánh nên A đồng ý đưa số tiền 10.000.000 đồng. A điện thoại cho người tên U (không rõ địa chỉ) mượn được số tiền 5.000.000 đồng và nói cho Đ biết. Đ đồng ý và đưa số tài khoản ngân hàng của chị Lâm Ngọc L (vợ của Đ) để người tên U chuyển tiền vào. Sau khi nhận được tiền trong tài khoản ngân hàng, Đ thông báo cho cả nhóm biết. Sau đó, T lấy số tiền 2.500.000 đồng trong ví của A đưa Đ cất giữ và báo cho Công an phường Tr đến giải quyết. Đến 22 giờ cùng ngày, khi Cơ quan điều tra yêu cầu thì Đ, Th mới giao nộp số tiền 2.500.000 đồng.

Cáo trạng số 03/CT-VKSTrB ngày 27 tháng 12 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng đã truy tố Hoa Phúc Đ, Lê Quốc D, Nguyễn Th, Trần Thanh T về tội “Cưỡng đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 170 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung Cáo trạng đã truy tố.

Trong phần tranh luận tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về trách nhiệm hình sự:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 170; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 65 của Bộ luật Hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo **Hoa Phúc Đ** từ **15** đến **18** tháng tù cho hưởng án treo về tội “Cưỡng đoạt tài sản”. Thời gian thử thách từ 30 đến 36 tháng.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 170; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 65 của Bộ luật Hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo **Lê Quốc D** từ **12** đến **15** tháng tù cho hưởng án treo về tội “Cưỡng đoạt tài sản”. Thời gian thử thách từ 24 đến 30 tháng.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 170; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 65 của Bộ luật Hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo **Nguyễn Th** từ **12** đến **15** tháng tù cho hưởng án treo về tội “Cưỡng đoạt tài sản”. Thời gian thử thách từ 24 đến 30 tháng.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 170; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 65 của Bộ luật Hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo **Trần Thanh T** từ **12** đến **15**

tháng tù cho hưởng án treo về tội “Cưỡng đoạt tài sản”. Thời gian thử thách từ 24 đến 30 tháng.

- Về hình phạt bổ sung: các bị cáo không có tài sản nên đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

- Về trách nhiệm dân sự: ghi nhận bị hại đã nhận số tiền bồi thường thiệt hại là 10.000.000 đồng và không yêu cầu bồi thường gì thêm.

- Về xử lý vật chứng: đề nghị căn cứ vào Điều 46, 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật.

*Người bào chữa cho bị cáo Hoa Phúc Đ - Luật sư Nguyễn Văn I bào chữa tại phiên tòa:* tại phiên tòa bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung Cáo trạng đã truy tố và đồng ý với tội danh, khung hình phạt mà bị cáo đã bị truy tố. Do đó, người bào chữa thống nhất việc truy tố của Viện kiểm sát về tội danh, khung hình phạt và các tình tiết giảm nhẹ mà Viện kiểm sát đã đánh giá, xem xét. Tuy nhiên, bị cáo Đ từng tham gia nghĩa vụ Công an được tặng giấy khen, trong quá trình làm việc cũng được công ty tặng giấy khen vì đã có thành tích trong công tác, do đó, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng điểm v khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự làm tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo Đ, đồng thời xem xét ghi nhận và đánh giá vụ án xảy ra có một phần lỗi của bị hại. Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng Điều 54, Điều 65 của Bộ luật Hình sự, quyết định cho bị cáo hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng và được hưởng án treo.

Các bị cáo và bị hại không tranh luận.

Lời nói sau cùng của các bị cáo: các bị cáo đều đã biết hành vi của các bị cáo là sai và rất hối hận, xin Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo được hưởng mức án thấp nhất và được hưởng án treo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Trảng Bàng, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, người bào chữa cho bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều

hợp pháp.

Tại phiên tòa, người bào chữa cho bị cáo Đ là Luật sư Nguyễn Thị MQ và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là chị Lâm Ngọc L vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Xét thấy, bị cáo Đ đồng ý việc vắng mặt của Luật sư MQ; trong quá trình điều tra, truy tố đã thể hiện rõ lời khai và yêu cầu của chị L. Như vậy, việc vắng mặt của Luật sư MQ và chị L không ảnh hưởng đến quá trình xét xử vụ án và việc xét xử không ảnh hưởng đến quyền lợi, nghĩa vụ của chị L. Do đó, căn cứ vào Điều 291, Điều 292 của Bộ luật Tố tụng Hình sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt Luật sư MQ và chị L.

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội như sau:

Vào khoảng 07 giờ ngày 21-5-2021, tại cửa hàng BHX thuộc khu phố GH, phường Tr, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, sau khi phát hiện anh Nguyễn Minh A có hành vi trộm cắp tài sản tại cửa hàng thì Hoa Phúc Đ, Lê Quốc D, Nguyễn Th, Trần Thanh T đã cùng nhau dùng vũ lực, uy hiếp tinh thần của anh A để chiếm đoạt số tiền 7.500.000 đồng, nếu anh A không đáp ứng yêu cầu của Định, D, Th và T thì sẽ tiếp tục bị các bị cáo đánh và giao cho cơ quan công an để xử lý về hành vi trộm cắp tài sản.

Xét lời khai nhận của các bị cáo phù hợp với lời khai trong quá trình điều tra, truy tố, phù hợp với lời khai của bị hại và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án và đúng như Cáo trạng Viện kiểm sát đã truy tố.

Như vậy, có đủ cơ sở để xác định: hành vi của các bị cáo Hoa Phúc Đ, Lê Quốc D, Nguyễn Th, Trần Thanh T đã phạm vào tội “Cưỡng đoạt tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 170 của Bộ luật Hình sự.

[3] Vụ án mang tính chất nghiêm trọng. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác một cách trái pháp luật, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương. Do đó, cần thiết phải có mức án tương xứng với hành vi phạm tội để răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[4] Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử còn xem xét đến các Tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo. Cụ thể:

Về tình tiết tăng nặng: các bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

Về tình tiết giảm nhẹ: trong quá trình điều tra, truy tố cũng như tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của các bị cáo; sau khi xảy ra sự việc, các bị cáo đã tự nguyện bồi thường thiệt hại cho anh A nên các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều

51 của Bộ luật Hình sự. Riêng bị cáo Đ và bị cáo D từng tham gia nghĩa vụ Công an được tặng giấy khen; bị cáo Đ được công ty tặng giấy khen vì đã có thành tích trong công tác; bị cáo T có nhiều đóng góp tích cực trong công tác phòng chống Covid-19 và được tặng giấy khen; tại phiên tòa bị hại xin Hội đồng xét xử xử phạt các bị cáo mức án thấp nhất nên các bị cáo được hưởng thêm Tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[5] Xét tính chất, mức độ và vai trò phạm tội của từng bị cáo, thấy rằng: trong vụ án này, hành vi của Hoa Phúc Đ, Lê Quốc D, Nguyễn Th, Trần Thanh T là đồng phạm giản đơn. Trước khi thực hiện hành vi phạm tội, giữa Định, D, T và Th không có phân công vai trò cụ thể cho từng người, không có sự câu kết chặt chẽ trong quá trình thực hiện hành vi phạm tội.

Các bị cáo là nhân viên an ninh của BHX, sau khi phát hiện anh A có hành vi trộm cắp tài sản, các bị cáo đã lần lượt đánh và gây sức ép, uy hiếp tinh thần của anh A buộc anh A giao số tiền 7.500.000 đồng không đúng quy định, quy trình của công ty và không đúng quy định của pháp luật. Trong đó, bị cáo Đ là người trực tiếp yêu cầu bị hại đưa tiền và đọc số tài khoản của vợ của bị cáo là chị Lâm Ngọc L để bị hại chuyển tiền nên bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự chính, cao hơn các bị cáo khác. Đối với các bị cáo D, T và Th đều có hành vi đánh anh A, tuy các bị cáo không trực tiếp yêu cầu anh A đưa tiền nhưng khi bị cáo Đ yêu cầu đưa tiền thì các bị cáo đều đồng ý thể hiện sự thống nhất ý chí nên phải cùng chịu trách nhiệm hình sự ngang nhau nhưng thấp hơn bị cáo Đ.

Xét thấy, các bị cáo đều có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu, chưa có tiền án, tiền sự; sau khi vụ án xảy ra, bị cáo đã tự nguyện cùng liên đới bồi thường chi phí điều trị cho anh A và đã nộp lại số tiền mà các bị cáo đã chiếm đoạt của anh A. Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng và có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; có nơi cư trú rõ ràng, có khả năng tự cải tạo và việc cho bị cáo hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội nên không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội mà cho các bị cáo được hưởng án treo đồng thời ấn định thời gian thử thách cho các bị cáo cũng đủ sức răn đe, giáo dục các bị cáo, đồng thời thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật.

[6] Về hình phạt bổ sung: qua điều tra, xác minh các bị cáo không có tài sản nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[7] Đối với chị Lâm Ngọc L đã nhận số tiền 5.000.000 đồng trong tài khoản không biết là tiền do bị cáo Đ chiếm đoạt của người khác mà có nên không đề cập xử lý là đúng quy định của pháp luật.

Đối với Công ty Cổ phần thương mại BHX không có chỉ đạo các bị cáo truy



thu tiền của đối tượng A không đúng quy trình nên không đề cập xử lý là phù hợp quy định của pháp luật.

Đối với anh Nguyễn Minh A có hành vi trộm cắp tài sản đã bị đưa ra xét xử tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 37/2022/HSST ngày 20-7-2022 của Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

[8] Các biện pháp tư pháp:

[8.1] Về trách nhiệm dân sự: anh Nguyễn Minh A đã nhận tiền bồi thường chi phí điều trị là 10.000.000 (mười triệu) đồng, không yêu cầu xử lý hình sự về hành vi gây thương tích và không yêu cầu bồi thường gì thêm nên cần ghi nhận, không đặt ra giải quyết.

[8.2] Về xử lý vật chứng: căn cứ Điều 46, 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự xử lý vật chứng như sau:

- Đối với số tiền 7.500.000 (bảy triệu năm trăm nghìn) đồng, tiền Việt Nam là tiền các bị cáo Đ, D, Th và T đã chiếm đoạt của anh A nên cần trả cho anh A số tiền 7.500.000 đồng này.

- Đối với 01 cây gậy 03 khúc bằng kim loại, cán bọc mũ màu đen được sử dụng vào việc thực hiện tội phạm, không còn giá trị nên tịch thu tiêu hủy.

- Đối với 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A20, màu đen, số IMEI 1: 357086109937092, số IMEI 2: 357087109937090 của bị cáo Đ: bị cáo đã sử dụng điện thoại này để liên lạc với chị Lâm Ngọc L để nhận số tiền 5.000.000 đồng của anh A nên cần tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

- Đối với 01 căn cước công dân số 072092003449 mang tên Hoa Phúc Đ, sinh ngày 08/8/1992, nơi thường trú: khu phố H, thị trấn D, huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh và 01 điện thoại di động hiệu Iphone 11 pro max, màu xanh, số IMEI 1: 353912109851435, số IMEI 2: 353912109639889 thu giữ của bị cáo Đ: không liên quan đến việc thực hiện tội phạm nên trả cho bị cáo Đ.

- Đối với 01 giấy chứng minh nhân dân số 271752616 mang tên Nguyễn Th, sinh ngày 02/02/1987, nơi thường trú: 39/80, khu phố 3, phường TH, thành phố B, tỉnh Đồng Nai và 01 điện thoại di động Samsung Galaxy Note 9, màu đen, số sê ri: R58K826KTB thu giữ của bị cáo Th: không liên quan đến việc thực hiện tội phạm nên trả cho bị cáo Th.

- Đối với 01 căn cước công dân số 072091001878 mang tên Lê Quốc D, sinh ngày 19/10/1991, nơi thường trú: ấp TP, xã TĐ, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh và 01 điện thoại di động hiệu Iphone màu đen, số IMEI: 353889108430827 thu giữ của bị cáo D: không liên quan đến việc thực hiện tội phạm nên trả cho bị cáo D.

- Đối với 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy J7 Pro, màu đen, số IMEI 1: 353317091085879, số IMEI 2: 353318091085877 do anh Nguyễn Minh A giao nộp nên cần trả cho anh A.

[9] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng tại phiên tòa về mức hình phạt đối với các bị cáo là phù hợp và có căn cứ.

Xét lời bào chữa của người bào chữa cho bị cáo Đ: như đã phân tích trên, Hội đồng xét xử đã xem xét Tình tiết bị cáo Đ tham gia nghĩa vụ Công an được tặng giấy khen và được công ty tặng giấy khen vì đã có thành tích trong công tác là Tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo theo khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Tuy bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ nhưng xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, Hội đồng xét xử không áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự cho bị cáo là phù hợp. Do đó, không có cơ sở để chấp nhận lời bào chữa của người bào chữa.

[10] Về án phí: căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**1.1.** Căn cứ vào khoản 1 Điều 170; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo **Hoa Phúc Đ 01 (một) năm 03 (ba) tháng** tù cho hưởng án treo về tội “Cưỡng đoạt tài sản”. Thời gian thử thách là **02 (hai) năm 06 (sáu) tháng** kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân thị trấn D, huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo; nếu bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự.

**1.2.** Căn cứ vào khoản 1 Điều 170; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo **Lê Quốc D 01 (một) năm** tù cho hưởng án treo về tội “Cưỡng đoạt tài sản”. Thời gian thử thách là 02 (hai) năm kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã TĐ, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo



cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo; nếu bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự.

**1.3.** Căn cứ vào khoản 1 Điều 170; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Th 01 (một) năm** tù cho hưởng án treo về tội “Cưỡng đoạt tài sản”. Thời gian thử thách là 02 (hai) năm kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân phường TH, thành phố B, tỉnh Đồng Nai giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo; nếu bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự.

**1.4.** Căn cứ vào khoản 1 Điều 170; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo **Trần Thanh T 01 (một) năm** tù cho hưởng án treo về tội “Cưỡng đoạt tài sản”. Thời gian thử thách là 02 (hai) năm kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo; nếu bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự.

## **2. Các biện pháp tư pháp:**

**2.1.** Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại: ghi nhận các bị cáo đã bồi thường chi phí điều trị cho anh Nguyễn Minh A số tiền 10.000.000 (mười triệu) đồng và anh A không yêu cầu bồi thường gì thêm.

**2.2.** Xử lý vật chứng: căn cứ vào các điều 46, 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự:

- Tịch thu, sung vào ngân sách Nhà nước: 01 (một) điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A20, màu đen, số IMEI 1: 357086109937092, số IMEI 2: 357087109937090.

- Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) cây gậy 03 khúc bằng kim loại, cán bọc mũ màu đen.

- Trả cho anh Nguyễn Minh A: số tiền 7.500.000 (bảy triệu năm trăm nghìn) đồng, tiền Việt Nam và 01 (một) điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy J7 Pro, màu đen, số IMEI 1: 353317091085879, số IMEI 2: 353318091085877.

- Trả cho bị cáo Hoa Phúc Đ: 01 (một) căn cước công dân số 072092003449 mang tên Hoa Phúc Đ, sinh ngày 08/8/1992, nơi thường trú: khu phố H, thị trấn D, huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh và 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 11 pro max, màu xanh, số IMEI 1: 353912109851435, số IMEI 2: 353912109639889.

- Trả cho bị cáo Lê Quốc D: 01 (một) căn cước công dân số 072091001878 mang tên Lê Quốc D, sinh ngày 19/10/1991, nơi thường trú: ấp TP, xã TĐ, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh và 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone màu đen, số IMEI: 353889108430827.

- Trả cho bị cáo Nguyễn Th: 01 (một) giấy chứng minh nhân dân số 271752616 mang tên Nguyễn Th, sinh ngày 02/02/1987, nơi thường trú: 39/80, khu phố 3, phường TH, thành phố B, tỉnh Đồng Nai và 01 (một) điện thoại di động Samsung Galaxy Note 9, màu đen, số sê ri: R58K826KTB.

**3. Án phí:** căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Hoa Phúc Đ, Lê Quốc D, Nguyễn Th, Trần Thanh T mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

**4. Các bị cáo và bị hại có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

**Nơi nhận:**

- Vụ GDKT.TANDTC (Vụ 1);
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND Cấp cao TP.HCM;
- Phòng KTNV. TATTN;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND thị xã Trảng Bàng;
- Cơ quan Thi hành án Hình sự;
- Phòng lý lịch Sở Tư pháp tỉnh Tây Ninh;
- Chi cục THADS thị xã Trảng Bàng;
- Nhà tạm giữ CA thị xã Trảng Bàng;
- Ủy ban nhân dân thị trấn D, huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**

**Nguyễn Thị Minh Thu**

- Ủy ban nhân dân xã TĐ, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh ;
- Ủy ban nhân dân phường TH, thành phố B, tỉnh Đồng Nai;
- Ủy ban nhân dân xã Đồi 61, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai;
- Các bị cáo;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.